

# **Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



# Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



# Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 47



# Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 17 tháng 3 năm 2023.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, kinh doanh các sản phẩm nhựa và xuất bản phần mềm.

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2020, Công ty đã chính thức được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APH.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Công ty có văn phòng đại diện có địa chỉ tại Tầng 17, Tòa nhà PV Oil, số 148 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Phó Chủ tịch thường trực	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 2 năm 2023
	Thành viên	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày 5 tháng 2 năm 2023
Ông Đinh Xuân Cường	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 8 tháng 5 năm 2023
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên	
Ông Nirav Sudhir Patel	Thành viên	
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Thành viên	
Ông Lim Heon Young	Thành viên	

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Hoa	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	Thành viên

# Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Thường trực kiêm Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023 Miễn nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023
Ông Đinh Xuân Cường Bà Nguyễn Thị Tiệp	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Thường trực	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023 Bổ nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023
Ông Phạm Văn Tuấn Ông Nguyễn Lê Thăng Long Bà Hòa Thị Thu Hà Bà Trần Thị Thoán	Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023 Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2023

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày 26 tháng 1 năm 2023 là Ông Đinh Xuân Cường và từ ngày 27 tháng 1 năm 2023 đến ngày lập báo cáo là Ông Phạm Đỗ Huy Cường.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đề ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.



Phạm Đỗ Huy Cường  
Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 12111413/66923022

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 47, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội**



Trịnh Hoàng Anh  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2071-2023-004-1



Nguyễn Văn Huy  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 5592-2020-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024





BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>49.220.792.131</b>	<b>104.935.085.241</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>1.167.221.633</b>	<b>3.598.465.910</b>
111	1. Tiền		1.167.221.633	598.465.910
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	3.000.000.000
<b>120</b>	<b>I. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>-</b>	<b>28.500.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	28.500.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>46.483.248.093</b>	<b>65.102.836.491</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	32.135.869.563	28.598.459.549
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	106.500.000	10.540.000.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	4.870.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	17.699.706.255	27.724.789.545
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 7	(3.458.827.725)	(6.630.412.603)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>524.576.307</b>	<b>6.404.048.807</b>
141	1. Hàng tồn kho		524.576.307	6.404.048.807
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.045.746.098</b>	<b>1.329.734.033</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.045.746.098	1.329.734.033
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.116.145.110.287</b>	<b>3.444.391.267.501</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>7.779.405.029</b>	<b>866.140.358</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	13.379.405.029	866.140.358
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	7	(5.600.000.000)	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>4.217.102.857</b>	<b>6.341.397.264</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.096.303.616	3.073.565.781
222	Nguyên giá		3.618.129.547	5.269.073.281
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.521.825.931)	(2.195.507.500)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	3.120.799.241	3.267.831.483
228	Nguyên giá		3.785.829.953	3.609.829.953
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(665.030.712)	(341.998.470)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>2.268.200.430</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	2.268.200.430
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>3.103.406.205.303</b>	<b>3.433.689.845.867</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		3.103.406.205.303	3.433.689.845.867
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>742.397.098</b>	<b>1.225.683.582</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		742.397.098	1.225.683.582
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3.165.365.902.418</b>	<b>3.549.326.352.742</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>599.524.611.145</b>	<b>694.985.308.451</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>361.737.259.980</b>	<b>246.354.666.361</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	521.441.127	14.739.559.200
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	6.762.298.003	5.932.962.501
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.472.944.654	5.347.007.382
314	4. Phải trả người lao động	15	3.695.134.531	3.609.444.296
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	14.748.314.162	15.100.273.973
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	458.333.333
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	4.244.857.974	11.810.266.643
320	8. Vay ngắn hạn	17	330.292.269.529	189.356.819.033
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>237.787.351.165</b>	<b>448.630.642.090</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	1.316.851.165	-
338	2. Vay dài hạn	17	236.470.500.000	448.630.642.090
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.565.841.291.273</b>	<b>2.854.341.044.291</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>2.565.841.291.273</b>	<b>2.854.341.044.291</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		2.438.842.680.000	2.511.991.480.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.438.842.680.000	2.438.842.680.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	73.148.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		28.504.818.180	169.232.179.100
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		98.493.793.093	173.117.385.191
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		173.117.385.191	111.887.701.260
421b	- (Lỗ năm nay)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(74.623.592.098)	61.229.683.931
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>3.165.365.902.418</b>	<b>3.549.326.352.742</b>

100871  
CÔ  
T  
RNST  
VIỆ  
CHỈ  
HÀ  
TƯ KIẾ

Hồ Thị Hòe  
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Phạm Đỗ Huy Cường  
Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	46.311.618.644	200.993.230.329
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	46.311.618.644	200.993.230.329
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(15.090.748.938)	(157.514.459.343)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		31.220.869.706	43.478.770.986
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	50.869.189.170	181.121.719.105
22 23	6. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu (không bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)</i>	21	(103.273.289.983) (67.746.954.285)	(90.157.482.392) (61.663.611.133)
25	7. Chi phí bán hàng		(64.101.504)	(1.724.613.298)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(50.007.191.652)	(52.964.481.390)
30	9. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(71.254.524.263)	79.753.913.011
31	10. Thu nhập khác		290.140.351	151.266.969
32	11. Chi phí khác		(3.155.511.693)	(5.465.028)
40	12. (Lỗ)/lợi nhuận khác		(2.865.371.342)	145.801.941
50	13. Tổng (lỗ)/lợi nhuận trước thuế		(74.119.895.605)	79.899.714.952
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	-	(12.865.166.314)
60	15. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN		(74.119.895.605)	67.034.548.638

Hồ Thị Hòa  
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Phạm Đỗ Huy Cường  
Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế</b>		<b>(74.119.895.605)</b>	<b>79.899.714.952</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	23	962.366.194	893.758.795
03	Các khoản dự phòng	6.1, 7	2.428.415.122	6.630.412.603
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại		(807.553.677)	(935.206.594)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(19.331.948.312)	(154.593.556.520)
06	Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)	21	72.940.158.001	67.013.611.129
<b>08</b>	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(17.928.458.277)</b>	<b>(1.091.265.635)</b>
09	Giảm các khoản phải thu		5.486.692.849	95.733.947.979
10	Giảm hàng tồn kho		5.879.472.500	280.194.826
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(25.811.676.569)	26.394.797.685
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		767.274.419	(130.291.288)
14	Tiền lãi vay đã trả		(64.839.660.934)	(72.678.785.918)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.988.526.228)	(9.876.640.086)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(99.434.882.240)</b>	<b>38.631.957.563</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		-	(4.086.570.843)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.356.000.000	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(433.970.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		33.370.000.000	541.775.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(699.548.174.412)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		337.814.590.000	588.776.937.059
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.603.896.952	23.897.911.714
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>386.144.486.952</b>	<b>16.845.103.518</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
32	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	18.1	(213.876.160.920)	-
33	Tiền thu từ đi vay		580.538.675.830	156.378.273.267
34	Tiền trả nợ gốc vay		(654.481.571.140)	(288.866.877.504)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(1.321.792.759)	(5.804.864.707)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(289.140.848.989)</b>	<b>(138.293.468.944)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(2.431.244.277)</b>	<b>(82.816.407.863)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.598.465.910	86.417.051.039
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(2.177.266)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	1.167.221.633	3.598.465.910

  
Hồ Thị Hòa  
Người lập kiêm Kế toán trưởng

  
  
Phạm Đỗ Huy Cường  
Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 17 tháng 3 năm 2023.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, kinh doanh các sản phẩm nhựa và xuất bản phần mềm.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2020, Công ty đã chính thức được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APH.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Công ty có văn phòng đại diện có địa chỉ tại Tầng 17, Tòa nhà PV Oil, số 148 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 77 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 85 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 17 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 16 công ty con) với thông tin chi tiết như sau:

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty Nhựa An Phát Xanh”)	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	50,17	50,17	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa, mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa.
2	Công ty Cổ phần An Tiến Industries (“Công ty An Tiến”) (1)	Khu Công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	27,52	54,85	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, sản xuất phụ gia và bột đá.
3	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (“Công ty An Phát Complex”) (1)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	46,68	93,04	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp.
4	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 (“Công ty An Phát Complex 1”) (1)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	47,51	99,997	Kinh doanh và phát triển hạ tầng khu công nghiệp.
5	An Thanh Bicsol Singapore PTE. Ltd (“Công ty An Thành Singapore”) (1)	Số 8, Temasek Boulevard # 44-00 Suntec Tower Three, Singapore	27,52	100	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS...



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)**

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
6	Công ty Cổ phần An Thành Biscol ("Công ty An Thành") (1)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	38,46	99,69	Kinh doanh hạt nhựa và các sản phẩm nhựa.
7	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín ("Công ty An Tín") (1)	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	27,25	99	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường ven biển và biển dương.
8	Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Vinh ("Công ty An Vinh") (1)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	50,15	99,95	Sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa.
9	Công ty An Phát International, Inc. ("Công ty APA") (1)	Tòa nhà văn phòng 10701, Dãy 268, thành phố Stafford, bang Texas 77477, Mỹ	50,17	99,999	Đầu tư, kinh doanh các sản phẩm màng mỏng và các sản phẩm nhựa khác.
10	Công ty AFC EcoPlastics, LLC ("Công ty AFC") (1)	PO Box 1831, thành phố Austin, bang Texas 78767, Mỹ	37,63	75	Kinh doanh hạt nhựa.
11	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty Nhựa Hà Nội") (1)	Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội	44,6	68,24	Sản xuất, mua bán các sản phẩm nhựa công nghiệp và các loại khuôn mẫu.
12	Công ty TNHH An Trung Industries ("Công ty An Trung") (1)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	44,6	100	Sản xuất hạt nhựa và các sản phẩm nhựa.
13	Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư – VIEXIM ("Công ty VIEXIM") (1)	Thôn Hào, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	44,6	100	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về nhựa.
14	Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam ("Công ty VMC") (1)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	44,6	100	Sản xuất sản phẩm gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.
15	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường ("Công ty An Cường") (1)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	42,33	94,88	Sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất.
16	Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát ("Công ty PBAT")	Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng	37,33	94,02	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)**

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
17	Công ty Cổ phần Ankor Bioplastics ("Công ty Ankor") (1) (2)	216, Munmakgongdangil, quận Munmak, thành phố Wonju, tỉnh Gangwon, Hàn Quốc	19,04	51	Sản xuất nhựa phân hủy sinh học và các sản phẩm thân thiện với môi trường.

(1) Công ty sở hữu các công ty con này trực tiếp và gián tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc một số công ty con khác, theo đó, tỷ lệ lợi ích trong các công ty con này khác với tỷ lệ biểu quyết.

(2) Trong năm 2023, Công ty PBAT, công ty con, đã hoàn tất việc mua 93.723 cổ phần của Công ty Ankor, tương đương tỷ lệ sở hữu 51%. Sau giao dịch này, Công ty Ankor trở thành công ty con của Công ty.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 11. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đề ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.6 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	8 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 8 năm
Phương tiện vận tải	8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	18 năm
Phần mềm quản lý	3 - 6 năm

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh có giá trị lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

#### 3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu liên quan đến hoạt động tư vấn và các dịch vụ có liên quan khác được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp và kết quả hợp đồng có thể được xác định một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

#### 3.15 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

VIỆT  
CÔNG  
TẬP  
THÀNH  
HÀ  
T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo hoạt động kinh doanh dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	79.396.560	143.396.560
Tiền gửi ngân hàng (i)	1.087.825.073	455.069.350
Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.167.221.633</b>	<b>3.598.465.910</b>

(i) Tiền gửi bao gồm tiền gửi không kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại.

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trái phiếu được cam kết mua lại	-	-	28.500.000.000	28.500.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>28.500.000.000</b>	<b>28.500.000.000</b>

Trong tháng 8 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc bán lại trái phiếu cho Công ty Cổ phần chứng khoán VPS với giá 30.056.100.000 VND theo Hợp đồng mua bán trái phiếu số 17739/HĐTP-M/VPS/ATK\_Q/HO và 17742/HĐTP-M/VPS/ATK\_Q/HO.

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây lắp ANI	11.487.771.006	-
Công ty Gulf Polymers Distribution	4.274.615.239	2.742.572.157
Công ty Green Industria E Comercio De Plasticos	1.290.428.143	1.255.755.110
Công ty Sabic Asia Pacific Pte. Ltd	-	6.774.413.082
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	15.083.055.175	17.825.719.200
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>32.135.869.563</b>	<b>28.598.459.549</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(628.415.122)	-





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN** (tiếp theo)

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán khác	106.500.000	285.750.000
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 25)	-	10.254.250.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>106.500.000</b>	<b>10.540.000.000</b>

**7. PHẢI THU KHÁC**

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư (i)	4.230.412.603	(2.830.412.603)	17.329.788.153	(6.630.412.603)
Tạm ứng cho nhân viên	4.935.416.529	-	7.391.141.650	-
Đặt cọc, ký quỹ ngắn hạn	112.385.000	-	1.034.447.349	-
Lãi cho vay phải thu	-	-	1.820.969.863	-
Phải thu lại khoản tạm ứng mua hạt nhựa do hủy hợp đồng	8.410.072.293	-	-	-
Phải thu khác	11.419.830	-	148.442.530	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.699.706.255</b>	<b>(2.830.412.603)</b>	<b>27.724.789.545</b>	<b>(6.630.412.603)</b>
Trong đó:				
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	6.388.508.114	(2.830.412.603)	21.677.004.800	(6.630.412.603)
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	11.311.198.141	-	6.047.784.745	-
<b>Dài hạn</b>				
Phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư (i)	12.699.375.550	(5.600.000.000)	-	-
Ký quỹ dài hạn	680.029.479	-	866.140.358	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.379.405.029</b>	<b>(5.600.000.000)</b>	<b>866.140.358</b>	<b>-</b>
Trong đó:				
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	13.379.405.029	(5.600.000.000)	866.140.358	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**

- (i) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 28.11/2017/HĐHT/HP-AP-BY ngày 28 tháng 11 năm 2017 giữa ba bên là Công ty, Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Hoàng Phương (“Công ty Hoàng Phương”) và Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Bảo Yên, Công ty đã góp vốn hợp tác đầu tư để thực hiện đóng mới, vận hành, khai thác tàu du lịch Hoàng Phương QN8589. Theo điều khoản của hợp đồng hợp tác đầu tư, Công ty nhận được phí khai thác cố định hàng tháng sau khi tàu đi vào vận hành. Ngày 11 tháng 01 năm 2021, Công ty và Công ty Hoàng Phương đã ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 1101/2021/HĐCNV/APH-HP. Theo đó, Công ty sẽ chuyển nhượng toàn bộ vốn góp thuộc sở hữu của Công ty theo Hợp đồng Hợp tác nêu trên cho Công ty Hoàng Phương với giá trị chuyển nhượng là 15.600.000.000 VND.

Khoản phải thu nêu trên bao gồm phí chuyển nhượng và lãi phải thu. Theo Biên bản làm việc số 0708/BBLV/HP-AP-BY ngày 07 tháng 08 năm 2023, Công ty và Công ty Hoàng Phương đã cùng nhau thống nhất tiến độ thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn góp. Theo đó, Công ty Hoàng Phương sẽ thanh toán hàng tháng cho Công ty một số tiền từ 100.000.000 VND đến 500.000.000 VND bắt đầu từ tháng 9 năm 2023 đến tháng 4 năm 2027.

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	445.541.815	-	556.715.446	-
Công cụ, dụng cụ	79.034.492	-	164.278.369	-
Hàng đang đi trên đường	-	-	5.174.339.902	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	508.715.090	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>524.576.307</b>	<b>-</b>	<b>6.404.048.807</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	118.500.000	597.500.098	2.847.863.636	1.705.209.547	5.269.073.281
- Thanh lý trong năm	-	(597.500.098)	(1.053.443.636)	-	(1.650.943.734)
Số cuối năm	118.500.000	-	1.794.420.000	1.705.209.547	3.618.129.547
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	-	-	164.141.545	164.141.545
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	80.114.919	129.432.635	1.082.964.981	902.994.965	2.195.507.500
- Khấu hao trong năm	14.812.500	70.564.241	266.035.607	287.921.604	639.333.952
- Thanh lý trong năm	-	(199.996.876)	(113.018.645)	-	(313.015.521)
Số cuối năm	94.927.419	-	1.235.981.943	1.190.916.569	2.521.825.931
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	38.385.081	468.067.463	1.764.898.655	802.214.582	3.073.565.781
Số cuối năm	23.572.581	-	558.438.057	514.292.978	1.096.303.616

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	1.016.612.200	2.593.217.753	3.609.829.953
- Mua trong năm	176.000.000	-	176.000.000
Số cuối năm	1.192.612.200	2.593.217.753	3.785.829.953
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	117.198.200	-	117.198.200
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>			
Số đầu năm	295.659.451	46.339.019	341.998.470
- Khấu hao trong năm	178.869.294	144.162.948	323.032.242
Số cuối năm	474.528.745	190.501.967	665.030.712
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	720.952.749	2.546.878.734	3.267.831.483
Số cuối năm	718.083.455	2.402.715.786	3.120.799.241

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm			Số đầu năm				
	Tỷ lệ năm giữ trực tiếp	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Tỷ lệ năm giữ trực tiếp	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
<b>Đầu tư vào công ty con</b>		<b>3.103.406.205.303</b>	-		<b>3.433.689.845.867</b>	-		
- Công ty Nhựa An Phát Xanh (i) (ii) (v)	50,17%	2.799.079.302.446	-	1.812.390.873.300	52,79%	2.945.026.293.230	-	1.378.207.901.020
- Công ty Nhựa Hà Nội (i) (iv) (v)	20,80%	304.226.902.857	-	278.949.667.200	27,66%	404.563.552.637	-	264.100.034.800
- Công ty An Cường	0,02%	100.000.000	-	(vi)	0,02%	100.000.000	-	(vi)
- Công ty PBAT (iii)	0,00%	-	-	-	28,38%	84.000.000.000	-	(vi)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>3.103.406.205.303</b>	-		<b>3.433.689.845.867</b>	-		

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Nhựa An Phát Xanh và Công ty Nhựa Hà Nội được tính dựa trên giá cổ phiếu của các công ty này trên thị trường chứng khoán vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các khoản đầu tư này được Công ty đầu tư với mục đích nắm giữ lâu dài, kết quả kinh doanh không bị lỗ, không có dấu hiệu mất vốn, do đó không trích lập dự phòng.

(ii) Trong tháng 6 năm 2023, Công ty đã bán 10.000.000 cổ phần Công ty Nhựa An Phát Xanh thông qua hình thức khớp lệnh trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, tương đương tỷ lệ sở hữu trực tiếp là 2,62% với tổng giá trị 116,1 tỷ VND.

(iii) Trong tháng 2 năm 2023, Công ty đã chuyển nhượng 8.400.000 cổ phần Công ty PBAT, tương đương tỷ lệ sở hữu trực tiếp là 28,38% với tổng giá phí 117,6 tỷ VND. Theo đó, Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh nhận chuyển nhượng 5.300.000 cổ phần, Công ty Nhựa Hà Nội nhận chuyển nhượng 3.100.000 cổ phần. Sau giao dịch này, Công ty không còn sở hữu cổ phần trong Công ty PBAT.

(iv) Trong tháng 11 năm 2023, Công ty đã bán 5.000.000 cổ phần Công ty Nhựa Hà Nội thông qua hình thức khớp lệnh trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, tương đương giảm tỷ lệ sở hữu trực tiếp là 6,86% với tổng giá trị 104,06 tỷ VND.

(v) Một số cổ phiếu của các công ty con này đang được cầm cố cho khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

(vi) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang trong quá trình thu thập dữ liệu cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Sabic Asia Pacific PTE Ltd	-	14.717.894.400
Phải trả đối tượng khác	75.866.927	12.960.000
Phải trả bên liên quan ngắn hạn (Thuyết minh số 25)	445.574.200	8.704.800
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>521.441.127</b>	<b>14.739.559.200</b>

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước từ đối tượng khác	-	49.450.000
Trả trước từ bên liên quan ngắn hạn (Thuyết minh số 25)	6.762.298.003	5.883.512.501
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.762.298.003</b>	<b>5.932.962.501</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	264.653.249	2.447.529.681	(2.494.041.563)	218.141.367
Thuế giá trị gia tăng	2.093.827.905	4.008.438.097	(4.847.462.715)	1.254.803.287
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.988.526.228	-	(2.988.526.228)	-
Thuế, phí khác	-	669.477.849	(669.477.849)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.347.007.382</b>	<b>7.125.445.627</b>	<b>(10.999.508.355)</b>	<b>1.472.944.654</b>

STT  
 CÔNG  
 TH  
 TÀI  
 T  
 H N  
 H A  
 EV

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay và lãi trái phiếu phải trả	14.157.121.640	15.100.273.973
Chi phí thuê văn phòng phải trả	591.192.522	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.748.314.162</b>	<b>15.100.273.973</b>

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Lãi vay phải trả	3.450.219.177	515.345.754
Phải trả theo thư tín dụng (L/C)	-	9.603.019.800
Cổ tức phải trả	-	818.096.266
Phải trả ngắn hạn khác	794.638.797	873.804.823
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.244.857.974</b>	<b>11.810.266.643</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	3.450.219.177	1.688.433.933
<i>Phải trả đối tượng khác</i>	794.638.797	10.121.832.710
<b>Dài hạn</b>		
Lãi vay phải trả	1.316.851.165	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.316.851.165</b>	<b>-</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả dài hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	1.316.851.165	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		
	Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)	Tăng	Giảm	Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)
<b>Vay ngắn hạn</b>				
Vay đối tượng khác	2.105.064.815	124.373.252	(2.229.438.067)	-
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.1)	36.518.420.898	60.175.539.578	(81.794.894.651)	14.899.065.825
Vay dài hạn đến hạn trả Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17.2)	-	94.672.144	(94.672.144)	-
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	123.133.333.320	302.259.870.384	(124.000.000.000)	301.393.203.704
Vay các bên liên quan dài hạn đến hạn trả	27.600.000.000	40.600.000.000	(54.200.000.000)	14.000.000.000
	-	8.000.000.000	(8.000.000.000)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>189.356.819.033</b>	<b>411.254.455.358</b>	<b>(270.319.004.862)</b>	<b>330.292.269.529</b>
<b>Vay dài hạn</b>				
Vay ngân hàng	151.475.422	-	(151.475.422)	-
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 17.2)	445.479.166.668	165.031.148.148	(447.572.814.816)	162.937.500.000
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	3.000.000.000	533.350.000.000	(462.817.000.000)	73.533.000.000
Vay đối tượng khác	-	45.462.000.000	(45.462.000.000)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>448.630.642.090</b>	<b>743.843.148.148</b>	<b>(956.003.290.238)</b>	<b>236.470.500.000</b>





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. VAY (tiếp theo)**

**17.1 Vay ngân hàng ngắn hạn**

Số dư cuối năm bao gồm các khoản vay ngắn hạn ngân hàng theo các Hợp đồng vay vốn đáo hạn từ tháng 1 đến tháng 5 năm 2024 với lãi suất từ 6,5%/năm đến 8,7%/năm. Trong đó, bao gồm một khoản vay với số dư là 8,4 tỷ VND có tài sản đảm bảo là một số cổ phiếu của Công ty và một khoản vay với số dư là 6,4 tỷ VND có tài sản đảm bảo là một số cổ phiếu AAA – Công ty Nhựa An Phát Xanh được sở hữu bởi Công ty.

**17.2 Trái phiếu phát hành**

Số dư cuối năm gồm:

- (i) Trái phiếu thường có giá trị theo mệnh giá còn lại là 302 tỷ VND. Đây là giá trị còn lại sau khi Công ty hoàn tất mua lại trước hạn một phần khoản trái phiếu 450 tỷ theo Nghị quyết số 230301/2023/NQ – HĐQT ngày 23 tháng 3 năm 2023, với khối lượng trái phiếu mua lại theo mệnh giá là 148 tỷ VND. Trái phiếu được phát hành theo mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu cho các đối tác vào tháng 3 năm 2021 với thời hạn 3 năm, đáo hạn vào tháng 4 năm 2024. Trái phiếu này có lãi suất cố định 9%/năm trong 2 năm đầu và 11,67%/năm cho năm thứ ba và được thế chấp bởi tài sản đảm bảo là một số cổ phiếu của Công ty được sở hữu bởi một đối tác doanh nghiệp, một số cổ phiếu Công ty Nhựa An Phát Xanh và một số cổ phiếu Công ty Nhựa Hà Nội được sở hữu bởi Công ty.
- (ii) Trái phiếu thường có giá trị theo mệnh giá là 165 tỷ VND được phát hành theo mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu cho các đối tác vào tháng 9 năm 2023 với thời hạn 2 năm, đáo hạn vào tháng 9 năm 2025. Trái phiếu này có lãi suất cố định 11%/năm và được thế chấp bởi tài sản đảm bảo là một số cổ phiếu của Công ty Nhựa An Phát Xanh được sở hữu bởi Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
<b>Năm trước</b>				
Số đầu năm	2.024.223.220.000	657.000.439.100	111.887.701.260	2.793.111.360.360
- Tăng vốn trong năm	487.768.260.000	(487.768.260.000)	-	-
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	67.034.548.638	67.034.548.638
- Chia cổ tức	-	-	(5.804.864.707)	(5.804.864.707)
Số cuối năm	<b>2.511.991.480.000</b>	<b>169.232.179.100</b>	<b>173.117.385.191</b>	<b>2.854.341.044.291</b>
<b>Năm nay</b>				
Số đầu năm	2.511.991.480.000	169.232.179.100	173.117.385.191	2.854.341.044.291
- Lỗ thuần trong năm	-	-	(74.119.895.605)	(74.119.895.605)
- Chia cổ tức cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi	-	-	(503.696.493)	(503.696.493)
- Giảm do mua lại cổ phiếu ưu đãi (i)	(73.148.800.000)	(140.727.360.920)	-	(213.876.160.920)
Số cuối năm	<b>2.438.842.680.000</b>	<b>28.504.818.180</b>	<b>98.493.793.093</b>	<b>2.565.841.291.273</b>

- (i) Theo Nghị quyết số 291102/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết số 121201/2022/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 12 năm 2022, Hội đồng quản trị thông qua phương án mua lại cổ phần ưu đãi cổ tức, hoàn lại và có thể chuyển đổi năm 2018 (“Cổ phiếu ưu đãi”), Công ty đã hoàn tất mua lại 7.314.880 cổ phiếu ưu đãi với giá mua 29.239 VND/cổ phiếu trong tháng 3 năm 2023. Sau giao dịch này, vốn cổ phần đã phát hành của Công ty giảm 73,1 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**18.2 Cổ tức**

**Cổ tức đã công bố trong năm**

*Cổ tức phải trả cho cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi*

	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
	503.696.493	5.804.864.707

**18.3 Cổ phần**

**Cổ phần đăng ký phát hành**

*Cổ phần phổ thông*

*Cổ phần ưu đãi (\*)*

**Cổ phần đã bán ra công chúng**

*Cổ phần phổ thông*

*Cổ phần ưu đãi (\*)*

**Cổ phần đang lưu hành**

*Cổ phần phổ thông*

*Cổ phần ưu đãi (\*)*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
<i>Cổ phần phổ thông</i>	243.884.268	2.438.842.680.000	243.884.268	2.438.842.680.000
<i>Cổ phần ưu đãi (*)</i>	-	-	7.314.880	73.148.800.000
<i>Cổ phần phổ thông</i>	243.884.268	2.438.842.680.000	243.884.268	2.438.842.680.000
<i>Cổ phần ưu đãi (*)</i>	-	-	7.314.880	73.148.800.000
<i>Cổ phần phổ thông</i>	243.884.268	2.438.842.680.000	243.884.268	2.438.842.680.000
<i>Cổ phần ưu đãi (*)</i>	-	-	7.314.880	73.148.800.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VND/cổ phần).

(\*) Theo Hợp đồng mua cổ phần ưu đãi ngày 31 tháng 1 năm 2018, Công ty KB đã mua 14.114.880 cổ phần ưu đãi cổ tức với tổng số tiền là 352.872.000.000 VND, trong đó số tiền 141.148.800.000 VND đã được ghi nhận vào vốn cổ phần đã góp theo mệnh giá cổ phiếu ưu đãi và phần còn lại với số tiền là 211.723.200.000 VND đã được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Cổ phần ưu đãi cổ tức này có mức cổ tức phải trả tương đương với 3%/năm của giá phát hành ban đầu. Cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền hoán đổi sang cổ phần phổ thông của Công ty theo quyền chọn của KB bất cứ lúc nào trong khoảng thời gian (i) bắt đầu từ ngày đầu tiên của kỳ hạn ba mươi (30) tháng kể từ ngày phát hành hoặc vào ngày kết thúc một đợt phát hành cổ phần phổ thông lần đầu ra công chúng (IPO), tùy theo thời điểm nào đến sớm hơn, và (ii) ngày cuối cùng của thời hạn năm (5) năm kể từ ngày phát hành và một số quyền chọn khác của KB được quy định trong Hợp đồng mua cổ phần ưu đãi và Hợp đồng quyền chọn ngày 31 tháng 1 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**18.3 Cổ phần** (tiếp theo)

Vào ngày 17 tháng 12 năm 2020, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị quyết số 171201/2020/NQ – HĐQT, thông qua kết quả phát hành 6.800.000 cổ phiếu phổ thông để chuyển đổi cổ phần ưu đãi với giá chuyển đổi là 25.000 VND/ cổ phiếu, tương ứng với tỷ lệ chuyển đổi là 1 cổ phiếu phổ thông/1 cổ phiếu ưu đãi.

Trong tháng 3 năm 2023, Công ty đã hoàn tất mua lại 7.314.880 cổ phần ưu đãi cổ tức như trình bày tại Thuyết minh 18.1. Sau giao dịch này, vốn cổ phần đã phát hành của Công ty giảm 73,1 tỷ VND.

**19. DOANH THU**

**19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>46.311.618.644</b>	<b>200.993.230.329</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	35.725.573.671	41.089.050.021
<i>Doanh thu bán hàng</i>	8.476.999.518	159.904.180.308
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	2.055.000.000	-
<i>Doanh thu khác</i>	54.045.455	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>46.311.618.644</b>	<b>200.993.230.329</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	25.022.691.258	141.088.261.095
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	21.288.927.386	59.904.969.234

**19.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ chuyển nhượng các khoản đầu tư	37.330.830.220	158.163.242.375
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.080.154.000	-
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	146.673.089	18.409.074.181
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.311.531.861	4.549.402.549
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>50.869.189.170</b>	<b>181.121.719.105</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.166.659.342	3.005.249.481
Giá vốn hàng bán	8.414.171.149	154.509.209.862
Giá vốn thành phẩm	509.918.447	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.090.748.938</b>	<b>157.514.459.343</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)	72.940.158.001	67.013.611.129
Lỗ và phí chuyển nhượng/hoán đổi trái phiếu	29.799.880.784	22.349.980.462
Chi phí tài chính khác	533.251.198	793.890.801
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>103.273.289.983</u></b>	<b><u>90.157.482.392</u></b>

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên quản lý	27.943.221.231	26.151.632.779
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.996.594.624	13.791.557.867
Chi phí khấu hao và hao mòn	818.203.246	869.731.637
Chi phí dự phòng	2.428.415.122	6.630.412.603
Chi phí bằng tiền khác	5.820.757.429	5.521.146.504
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>50.007.191.652</u></b>	<b><u>52.964.481.390</u></b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên	33.902.479.017	29.109.683.345
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.125.138.093	15.539.342.922
Chi phí dự phòng	2.428.415.122	6.630.412.603
Chi phí khấu hao và hao mòn	962.366.194	893.758.795
Chi phí bằng tiền khác	5.820.757.429	5.521.146.504
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>56.239.155.855</u></b>	<b><u>57.694.344.169</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**24.1 Chi phí thuế TNDN**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(74.119.895.605)</b>	<b>79.899.714.952</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(14.823.979.121)	15.979.942.990
<i>Điều chỉnh cho:</i>		
Chi phí lãi vay vượt mức quy định theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	13.520.056.239	1.216.774.865
Các khoản chi phí không hợp lý hợp lệ	630.279.515	377.398.740
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(2.016.030.800)	(74.244.085)
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	(175.411.191)	(10.171.440)
Doanh thu hoa hồng kỳ trước	516.077.576	-
Thu nhập tính thuế kỳ sau	(448.893.500)	(516.077.576)
Chuyển lỗ năm trước	-	(4.108.457.180)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ thuế	2.797.901.282	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>12.865.166.314</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**24.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**24.3 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp chưa được ghi nhận**

**Lỗi chuyển sang từ năm trước**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2023	Không được chuyển lỗ	Đơn vị tính: VND
					Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2023
2018	2023	24.436.143.629	(24.436.143.629)	-	-
2019	2024	3.823.735.471	(3.823.735.471)	-	-
2023	2028	13.989.506.409	-	-	13.989.506.409
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>42.249.385.509</b>	<b>(28.259.879.100)</b>	<b>-</b>	<b>13.989.506.409</b>

(\*) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương kiểm tra vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

**Chi phí lãi vay vượt mức quy định theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP**

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển đến năm	Chi phí lãi vay không được khấu trừ	Đã chuyển đến ngày 31/12/2023	Không được chuyển	Đơn vị tính: VND
					Chưa chuyển tại ngày 31/12/2023
2018	2023	1.286.137.196	-	(1.286.137.196)	-
2019	2024	9.089.540.057	-	-	9.089.540.057
2020	2025	14.030.540.484	-	-	14.030.540.484
2021	2026	15.336.672.508	-	-	15.336.672.508
2022	2027	6.083.874.325	-	-	6.083.874.325
2023	2028	67.600.281.196	-	-	67.600.281.196
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>113.427.045.766</b>	<b>-</b>	<b>(1.286.137.196)</b>	<b>112.140.908.570</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**24.3 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp chưa được ghi nhận (tiếp theo)**

**Chi phí lãi vay vượt mức quy định theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP (tiếp theo)**

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được khấu trừ còn lại trị giá 112,1 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 45,8 tỷ VND) do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được khấu trừ này có thể được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên có liên quan của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày tại mục (VII) trong Báo cáo tình hình quản trị số 300103/2023/BC-APH theo các quy định pháp luật và đã được công bố thông tin đại chúng ngày 30 tháng 1 năm 2024.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Nhựa An Phát Xanh	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.756.929.600	8.229.166.667
		Chuyển nhượng cổ phần	74.200.000.000	370.134.030.000
		Góp vốn	-	489.600.000.000
Công ty An Thành	Công ty con	Doanh thu bán hàng	8.925.649.543	92.267.432.682
		Đi vay	216.000.000.000	-
		Trả tiền vay	216.000.000.000	-
		Chi phí lãi vay	4.527.097.262	-
Công ty An Cường	Công ty con	Đi vay	46.000.000.000	4.600.000.000
		Trả tiền vay	50.600.000.000	-
		Cho vay	-	60.000.000.000
		Nhận lại tiền cho vay	-	60.000.000.000
Công ty Cổ phần Giải Pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt	Công ty liên kết	Trả tiền vay	2.000.000.000	-
Công ty An Vinh	Công ty con	Đi vay	35.000.000.000	-
		Trả tiền vay	35.000.000.000	-
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.428.949.497	1.272.727.273
		Cổ tức	10.080.154.000	-
		Chuyển nhượng cổ phần	43.400.000.000	1.400.000.000
		Góp vốn	-	181.850.430.000
Công ty Anbio	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Đi vay	19.800.000.000	-
		Trả tiền vay	19.800.000.000	-
		Nhận lại tiền cho vay	-	59.750.000.000
Công ty VMC	Công ty con	Cho vay	-	10.400.000.000
		Nhận lại tiền cho vay	-	13.400.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty An Trung	Công ty con	Đi vay	39.500.000.000	-
		Trả tiền vay	39.500.000.000	-
		Nhận lại tiền cho vay	-	11.425.000.000
Công ty Ankor	Công ty con từ 30 tháng 6 năm 2023	Doanh thu bán hàng	-	18.565.574.416
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.119.696.972	6.000.000.000
		Đi vay	97.600.000.000	56.900.000.000
		Trả tiền vay	97.600.000.000	56.900.000.000
		Cho vay	-	194.000.000.000
		Nhận lại tiền cho vay	-	194.000.000.000
		Chi phí lãi vay	3.071.931.507	746.233.972
Công ty An Tín	Công ty con	Đi vay	39.200.000.000	24.000.000.000
		Trả tiền vay	49.200.000.000	-
		Chi phí lãi vay	4.141.095.890	263.315.069
Công ty PBAT	Công ty con	Cho vay	1.300.000.000	3.870.000.000
		Nhận lại tiền cho vay	5.170.000.000	-
		Đi vay	20.850.000.000	-
		Góp vốn	-	14.000.000.000
		Trả tiền vay	7.317.000.000	-
Công An Phát Complex 1	Công ty con	Đi vay	60.000.000.000	-
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	30.931.047.592	15.486.884.015
		Hoàn ứng	32.186.049.665	17.322.000.000
Ông Phạm Ánh Dương	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	-	3.328.000.000
		Hoàn ứng	-	3.328.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Công ty mua và bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, cho vay và đi vay với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất (ngoại trừ các khoản phải thu về cho vay và đi vay có lãi suất) và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</i></b>				
Công ty Ankor	Công ty con	Phải thu bán hàng hóa	15.003.965.175	14.602.219.200
Công ty An Tiến	Công ty con	Phải thu về cung cấp dịch vụ	77.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn công nghiệp An Phát	Công ty liên kết	Phải thu bán hàng hóa	2.090.000	-
Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt	Công ty liên kết	Phải thu về cung cấp dịch vụ	-	3.223.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>15.083.055.175</u></b>	<b><u>17.825.719.200</u></b>
<b><i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)</i></b>				
Công ty Ankor	Công ty con	Trả trước tiền hàng	-	10.254.250.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>-</u></b>	<b><u>10.254.250.000</u></b>
<b><i>Phải thu cho vay ngắn hạn</i></b>				
Công ty PBAT	Công ty con	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	3.870.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>-</u></b>	<b><u>3.870.000.000</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)</b>				
Công ty Ankor	Công ty con	Đặt cọc	8.410.072.293	927.062.349
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	2.730.236.319	3.985.238.392
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	95.544.283	120.532.283
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	75.345.246	15.124.206
Ông Đinh Xuân Cường	Lãnh đạo chủ chốt đến ngày 08/05/2023	Tạm ứng	-	738.716.155
Bên liên quan khác		Lãi vay và phải thu khác	-	261.111.360
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>11.311.198.141</b>	<b>6.047.784.745</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 12)</b>				
Công ty Nhựa An Phát Xanh	Công ty con	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	442.750.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn công nghiệp An Phát	Công liên kết	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	2.824.200	-
Công ty An Tín	Công ty con	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	-	8.704.800
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>445.574.200</b>	<b>8.704.800</b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 13)</b>				
Công ty An Thành	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa, dịch vụ	6.762.298.003	5.883.512.501
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>6.762.298.003</b>	<b>5.883.512.501</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 16)</b>				
Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam	Cổ đông đến ngày 09 tháng 03 năm 2023	Cổ tức phải trả	-	818.096.266
Công ty An Tín	Công ty con	Lãi vay	3.450.219.177	618.306.982
Công ty Nam Việt	Công ty liên kết	Lãi vay	-	160.000.000
Công ty An Cường	Công ty con	Lãi vay	-	92.030.685
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>3.450.219.177</b>	<b>1.688.433.933</b>
<b>Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 16)</b>				
Công ty PBAT	Công ty con	Lãi vay	951.919.658	-
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	Lãi vay	364.931.507	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.316.851.165</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 17)</b>				
Công ty An Tín	Công ty con	Vay ngắn hạn	14.000.000.000	24.000.000.000
Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt	Công ty liên kết	Vay ngắn hạn	-	2.000.000.000
Công ty An Cường	Công ty con	Vay ngắn hạn	-	1.600.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>14.000.000.000</b>	<b>27.600.000.000</b>
<b>Vay dài hạn (Thuyết minh số 17)</b>				
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	Vay dài hạn	60.000.000.000	-
Công ty PBAT	Công ty con	Vay dài hạn	13.533.000.000	-
Công ty An Cường	Công ty con	Vay dài hạn	-	3.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>73.533.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>

Chi tiết các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Số cuối năm	Lãi suất	Ngày đáo hạn
Công ty An Tín	Công ty con	14.000.000.000	9%	Ngày 5 tháng 1 năm 2024
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	60.000.000.000	6%	Ngày 24 tháng 11 năm 2025
Công ty PBAT	Công ty con	13.533.000.000	8,5%	Ngày 5 tháng 5 năm 2025
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>87.533.000.000</b>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc trong năm:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT	180.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Đinh Xuân Cường	Phó Chủ tịch HĐQT		
	kiêm Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 08 tháng 05 năm 2023)	-	787.604.321
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên HĐQT		
	kiêm Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023)	2.752.629.666	731.250.321
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên HĐQT		
	kiêm Phó Tổng Giám đốc Thường trực	2.753.283.000	801.278.523
Ông Nirav Sudhir Patel	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Lim Heon Young	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2022)	-	189.732.489
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>6.165.912.666</b>	<b>3.169.865.654</b>

Thù lao của Ban kiểm soát:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao của Ban kiểm soát	132.000.000	132.000.000
	<b>132.000.000</b>	<b>132.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau bao gồm các bộ phận kinh doanh: cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và bán hàng hóa, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất sản phẩm về nhựa.

Công ty theo dõi hoạt động một cách riêng biệt cho từng bộ phận cho mục đích ra quyết định phân bổ nguồn lực và đánh giá kết quả hoạt động. Kết quả hoạt động của từng bộ phận được đánh giá dựa trên lãi lỗ và được xác định một cách nhất quán với lãi lỗ của Công ty trên báo cáo tài chính riêng. Tuy nhiên, hoạt động tài chính của Công ty (bao gồm chi phí tài chính và doanh thu tài chính) được theo dõi trên cơ sở tập trung và không phân bổ cho từng bộ phận.

Ban Tổng Giám đốc cũng xác định hoạt động kinh doanh tạo ra doanh thu và lợi nhuận của Công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

**26.1 Thông tin theo bộ phận vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày**

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<i>Cung cấp dịch vụ VND</i>	<i>Bán hàng hóa, thành phẩm VND</i>	<i>Điều chỉnh và loại trừ VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	35.725.573.671	10.586.044.973	-	46.311.618.644
Tổng doanh thu	35.725.573.671	10.586.044.973	-	46.311.618.644
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Khấu hao và hao mòn	911.137.331	51.228.863	-	962.366.194
Lỗ trước thuế theo bộ phận	(17.786.284.821)	(1.064.138.629)	-	(18.850.423.450)
Lỗ trước thuế không phân bổ	-	-	-	(55.269.472.155)
Tổng lỗ trước thuế				(74.119.895.605)
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>				
Chi phí mua sắm TSCĐ và xây dựng cơ bản tăng trong năm	-	-	-	-
Tài sản bộ phận	21.633.549.878	16.510.226.923	-	38.143.776.801
Tài sản không phân bổ	-	-	-	3.127.222.125.617
Tổng tài sản				3.165.365.902.418
Tổng nợ phải trả theo bộ phận	3.498.434.415	6.958.998.119	-	10.457.432.534
Tổng nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	589.067.178.611
Tổng nợ phải trả				599.524.611.145



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

**26.2 Thông tin theo bộ phận vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày**

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Cung cấp dịch vụ VND	Bán hàng hóa VND	Điều chỉnh và loại trừ VND	Tổng cộng VND
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	41.089.050.021	159.904.180.308	-	200.993.230.329
Tổng doanh thu	41.089.050.021	159.904.180.308	-	200.993.230.329
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Khấu hao và hao mòn	782.858.644	110.900.151	-	893.758.795
Lỗ trước thuế theo bộ phận	(8.308.696.286)	(2.901.627.416)	-	(11.210.323.702)
Thu nhập trước thuế không phân bổ	-	-		91.110.038.654
Tổng lợi nhuận trước thuế				79.899.714.952
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>				
Chi phí mua sắm TSCĐ và xây dựng cơ bản tăng trong năm	3.579.497.427	507.073.416	-	4.086.570.843
Tài sản bộ phận	20.533.357.843	33.905.965.392	-	54.439.323.235
Tài sản không phân bổ	-	-	-	3.494.887.029.507
Tổng tài sản				3.549.326.352.742
Tổng nợ phải trả theo bộ phận	3.619.907.442	21.120.391.888	-	24.740.299.330
Tổng nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	670.245.009.121
Tổng nợ phải trả				694.985.308.451



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết về thuê hoạt động***

Công ty đã ký kết một số hợp đồng thuê hoạt động gồm văn phòng và ô tô. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số tiền cam kết thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động ước tính như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	2.364.770.076	3.099.372.132
Từ trên 1 năm đến 5 năm	6.260.910.774	7.607.697.080
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.625.680.850</u></b>	<b><u>10.707.069.212</u></b>

***Các cam kết khác***

Công ty đã thế chấp một số cổ phiếu AAA của Công ty Nhựa An Phát Xanh và một số cổ phiếu NHH của Công ty Nhựa Hà Nội, được nắm giữ bởi Công ty, cho các khoản vay ngân hàng và các khoản trái phiếu phát hành bởi Công ty Nhựa An Phát Xanh cho Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam, Tập đoàn Shinhan Investment, Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh và Ngân hàng Keb Hana – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh.

**28. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ		
Yên Nhật (JPY)	81.000	81.000
Đô la Mỹ (USD)	415,67	15.665,39
Dirham (DIR)	1.680	1.680

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Hồ Thị Hòa  
Người lập kiểm kế toán trưởng



Phạm Đỗ Huy Cường  
Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024



## **EY | Building a better working world**

**EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.**

**Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.**

**Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.**

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via [ey.com/privacy](https://ey.com/privacy). EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit [ey.com](https://ey.com).

© 2024 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

[ey.com/en\\_vn](https://ey.com/en_vn) | [ey.com/vi\\_vn](https://ey.com/vi_vn)